UBND XÃ LIÊN MINH

Biểu số 114/CK TC - NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2023

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ II		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	TỔNG SỐ THU NGÂN SÁCH XÃ	**16.946.018.000**	**10.171.018.000**	**1.577.990.393**	**1.494.001.451**	**9,3%**	**14,7%**
A	**THU NGÂN SÁCH XÃ ĐÃ QUA KHO BẠC**	**16.946.018.000**	**10.171.018.000**	**1.577.990.393**	**1.494.001.451**	**9,3%**	**14,7%**
I	**Các khoản thu 100%**	**164.000.000**	**164.000.000**	**16.500.000**	**16.500.000**	**10,1%**	**10,1%**
1	Phí, lệ phí	54.000.000	54.000.000	12.000.000	12.000.000	22,2%	22,2%
	Phí, lệ phí khác	*22.000.000*	*22.000.000*	*12.000.000*	*12.000.000*	*54,5%*	*54,5%*
	Thuế môn bài	*32.000.000*	*32.000.000*				
2	Thu từ quỹ đất công ích và đất công	50.000.000	50.000.000	4.500.000	4.500.000		
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
5	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước						
6	Thu kết dư ngân sách năm trước						
7	Thu khác	60.000.000	60.000.000				
II	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)**	**12.361.000.000**	**5.586.000.000**	**116.090.393**	**32.101.451**	**0,9%**	**0,6%**
	Thuế xây dựng nhà ở tư nhân						
	Các khoản thu phân chia (1)	***81.000.000***	***65.000.000***	***37.773.889***	***3.915.060***	***46,6%***	***6,0%***
1	Thuế thu nhập cá nhân			32.981.782			
2	Thuế sử dụng đất PNN	1.000.000	1.000.000	406.868	406.868	40,7%	40,7%
4	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
5	Lệ phí trước bạ nhà, đất	80.000.000	64.000.000	4.385.239	3.508.192	5,5%	5,5%
	Các khoản thu phân chia khác do tỉnh quy định	***12.280.000.00***	***5.521.000.000***	***78.316.504***	***28.186.391***	***0,6%***	***0,5%***
6	Tiền sử dụng đất	12.100.000.000	5.445.000.000				
7	Thuế GTGT	180.000.000	76.000.000	72.592.111	26.737.429	40,3%	35,2%
8	Thuế TNDN			5.724.393	1.448.962		
III	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**4.421.018.000**	**4.421.018.000**	**1.445.400.000**	**1.445.400.000**	**32,7%**	**32,7%**
	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	4.421.018.000	4.421.018.000	986.000.000	986.000.000	22,3%	22,3%
	Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên			459.400.000	459.400.000		
IV	**Viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)**						
V	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang (nếu có)**						
B	**THU NGÂN SÁCH XÃ CHƯA QUA KHO BẠC**						

Liên Minh, ngày 11 tháng 7 năm 2023

Phụ trách Kế toán

Nghiêm Đức Hạnh

Chủ tịch UBND xã

Nguyễn Quốc Hoạt

UBND XÃ LIÊN MINH

Biểu số 115/CK TC - NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2023

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ II			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	**10.171.018.000**	**5.445.000.000**	**4.726.018.000**	**1.386.403.738**	**100.000.000**	**1.286.403.738**	**13,6%**	**1,8%**	**27,2%**
A	**CHI NGÂN SÁCH XÃ ĐÃ QUA KBNN**	**10.171.018.000**	**5.445.000.000**	**4.726.018.000**	**1.386.403.738**	**100.000.000**	**1.286.403.738**	**13,6%**	**1,8%**	**27,2%**
I	**Chi đầu tư phát triển (1)**	**5.445.000.000**	**5.445.000.000**		**100.000.000**	**100.000.000**			1,8%	
1	Chi đầu tư XDCB	2.965.000.000	2.965.000.000		100.000.000	100.000.000			3,4%	
2	Chi đầu tư phát triển khác	2.480.000.000	2.480.000.000							
II	**Chi thường xuyên**	**4.596.721.000**		**4.596.721.000**	**1.286.403.738**		**1.286.403.738**	**28,0%**		**28,0%**
	Tiết kiệm chi thường xuyên	***120.223.000***		***120.223.000***						
1	Chi công tác dân quân tự vệ, an ninh trật tự	549.413.650		549.413.650	83.101.011		83.101.011	15,1%		15,1%
2	Chi sự nghiệp giáo dục									
	Chi sự nghiệp giáo dục									
	Chi sự nghiệp giáo dục									
3	Chi sự nghiệp y tế	26.456.000		26.456.000	5.364.000		5.364.000	20,3%		20,3%
4	Sự nghiệp văn hoá, thông tin	101.788.000		101.788.000						
	Sự nghiệp thông tin	*30.000.000*		*30.000.000*						
	Sự nghiệp văn hoá	*71.788.000*		*71.788.000*						
5	Sự nghiệp thể dục thể thao	45.000.000		45.000.000	70.000.000		70.000.000	155,6%		155,6%
6	Sự nghiệp kinh tế	33.011.560		33.011.560	24.571.500		24.571.500	74,4%		74,4%
7	Sự nghiệp xã hội	316.891.900		316.891.900	165.123.050		165.123.050	52,1%		52,1%
8	Chi quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể	3.524.159.890		3.524.159.890	938.244.177		938.244.177	26,6%		26,6%
	Hội Cựu TNXP, Hội Nạn nhân CĐDC	*7.000.000*		*7.000.000*						
	Hội Khuyến học	*1.000.000*		*1.000.000*						
	Hội Người cao tuổi	*89.004.000*		*89.004.000*	*8.776.000*		*8.776.000*	*9,9%*		*9,9%*
	Hội Chữ thập đỏ	*17.304.000*		*17.304.000*	*3.576.000*		*3.576.000*	*20,7%*		*20,7%*
9	Chi khác									
III	**Dự phòng**	**129.297.000**		**129.297.000**						
IV	**Chi chuyển nguồn sang năm sau (nếu có)**									
B	**CHI NGÂN SÁCH XÃ CHƯA QUA**									

Liên Minh, ngày 17 tháng 7 năm 2023

Phụ trách Kế toán

Nghiêm Đức Hạnh

Chủ tịch UBND xã

Nguyễn Quốc Hoạt